

Bản án số 505/2024/HS-PT
Ngày 22 tháng 10 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Chí Công, ông Nguyễn Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 440/2024/TLPT-HS ngày 06/9/2024 do Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1949/2024/QĐXXPT-HS ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lâm Thị Hồng T**; sinh ngày 12/6/1973, tại Quảng Nam; nơi cư trú: **5 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Kế toán, Thủ quỹ; trình độ văn hóa (học vấn phổ thông): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lâm Hồng S** và bà **Trần Thị H**; bị cáo có chồng và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 09/02/2023, có mặt.

2. **Hoàng Quang H1**; sinh ngày 26/5/1989, tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: **I đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Trưởng Phòng kế hoạch - tài chính, Kế toán trưởng; trình độ văn hóa (học vấn phổ thông): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Quang L** và bà **Dương Thị Tuyết A**; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 09/02/2023, có mặt.

3. **Phạm Thị Huỳnh N**; sinh ngày 11/02/1987, tại Quảng Nam; nơi cư trú: **A đường Q, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Bán thuốc tây; trình độ văn hóa (học vấn phổ thông): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Phú T1** và bà **Nguyễn Thị Thu N1**; bị cáo có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 10/02/2023, có mặt.

4. Nguyễn Khánh D; sinh ngày 24/9/1997, tại Quảng Nam; nơi cư trú: A đường Q, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học văn phổ thông): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu H2; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 17/11/2023, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đoàn Quang V, nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

Người bào chữa:

1. Luật sư Lê Thị Hồng T2 - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Lê Thị Hồng T2 và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Lâm Thị Hồng T, có mặt;

2. Luật sư Lê Ngọc Đ - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Lê Thị Hồng T2 và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Hoàng Quang H1, có mặt;

3. Luật sư Hà Xuân B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Huỳnh N, có mặt;

4. Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khánh D, có mặt.

Bị hại:

1. Trường Đại học B2, thuộc Đại học B2; địa chỉ trụ sở: E đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2. Bà Lâm Thị Hồng T (đồng thời là bị cáo trong vụ án), sinh năm 1973; nơi cư trú: 5 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Trường Đại học B2 (sau đây viết tắt là Trường B2) là cơ sở giáo dục công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Từ tháng 12/2017 đến ngày 31/12/2022, Đoàn Quang V được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường B2, là người đại diện theo pháp luật, phụ trách chung và chủ tài khoản, cũng trong thời gian này, Hoàng Quang H1 giữ chức vụ Trưởng Phòng kế hoạch tài chính kiêm Kế toán trưởng và Lâm Thị Hồng T được giao nhiệm vụ Thủ quỹ của Trường B2. Trước thời gian nêu trên, T giữ chức vụ Kế toán trưởng Trường B2 02 nhiệm kỳ, phải chuyển đổi vị trí công tác theo quy định nên T giới thiệu H1 thay vị trí của T nên sau đó H1 vị nể và có mối quan hệ thân tình với T.

- Khoảng năm 2016, tại Spa T trên đường M, Đà Nẵng, Lâm Thị Hồng T quen biết Phạm Thị Huỳnh N là nhân viên của S1 và N giới thiệu cho T tài khoản Facebook tên “Hoàng Kim Q” để Tâm liên hệ với “Quyên” mua sản phẩm chăm sóc da và làm đẹp (“Quyên” không có thật mà do Như giả mạo và Facebook “Hoàng Kim Q” là do Như lập, quản lý và sử dụng để giấu danh bán mỹ phẩm cho khách hàng). Đến tháng 12/2018, do nợ tiền ngoài xã hội không trả được nên Như phải trốn nợ vào Thành phố Hồ Chí Minh và N sử dụng tài khoản “Hoàng

Kim Q” nhắn tin nói với T là “Quyên” đang làm thủ tục xuất cảnh qua Mỹ định cư nên không tiếp tục bán sản phẩm làm đẹp cho T nữa.

- Trong thời gian ở Thành phố Hồ Chí Minh, với ý định chiếm đoạt tài sản của Lâm Thị Hồng T nên Phạm Thị Huỳnh N đã mạo danh “Q” và sử dụng tài khoản Facebook “Hoàng Kim Q” trước đây để liên lạc với T. Như giả danh “Q” rồi nói “Quyên” đã qua Mỹ định cư và đang có kế hoạch đầu tư 3.600.000.000 đồng mở tiệm Nail, rồi rủ T chung vốn 50% thì T đồng ý. Bắt đầu từ ngày 08/12/2018, T đã chuyển nhiều lần với tổng số tiền 1.800.000.000 đồng cho Như thông qua tài khoản ngân hàng của Nguyễn Khánh D (D là em con dì ruột của Như). Đến khoảng giữa năm 2019 thì N nói với T là “Quyên” bị ung thư sắp chết nên đã giao lại tiệm N2 cho người phụ nữ tên “Nam”, đồng thời, N cho T số điện thoại của người tên “Trần Tấn H3”, N nói “H3” là em ruột của “Nam” và đang ở tại đường H, Đà Nẵng để T liên hệ biết thông tin hoạt động của tiệm N5; sau đó, N gỡ bỏ tài khoản Facebook “Hoàng Kim Q”.

- Từ lúc này, Phạm Thị Huỳnh N sử dụng số điện thoại đã nói cho T là của “Trần Tấn H3” và giả mạo xưng danh “H3” liên lạc, nhắn tin với T. “H3” nói với T do dịch Covid-19 nên tiệm Nail bên Mỹ cũng phải đóng cửa, rồi tiếp tục rủ T đầu tư chứng khoán trên mạng để có lợi nhuận nếu T có vốn; “H3” nói biết kênh đầu tư tốt và lợi nhuận sẽ chuyển hết cho T. Vì muốn gỡ lại vốn do đầu tư tiệm N2 và tin lời “H3” nên T đã nói với Hoàng Quang H1 cho T mượn quỹ của Trường B2 để đầu tư kinh doanh thì H1 đồng ý.

- Do có vị trí công tác là Thủ quỹ và với sự đồng ý giúp sức của H1 là Kế toán trưởng nên T dễ dàng lấy quỹ tiền mặt của Trường B2 để sử dụng vào mục đích cá nhân; ngoài ra, T còn sử dụng séc (chi phiếu) của Trường B2, đưa H1 ký không rồi trình cho chủ tài khoản là Đoàn Quang V ký; khi V hỏi vì sao không ghi số tiền rút thì T nói với V là để H1 cân đối chính xác số tiền cần chi thì mới ghi vào để rút; vì tin H1 và thấy H1 đã ký vào séc nên V cũng ký không séc cho T; sau đó, T điền số tiền T cần vào séc và ra Ngân hàng rút tiền của Trường B2 về không nhập quỹ tiền mặt của nhà Trường hoặc chỉ nhập một phần, rồi chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân. Tiền chiếm đoạt được của Trường B2, T nộp vào các tài khoản ngân hàng đứng tên T, gồm: S3, S4, B3 và T4 19036666239011. Sau đó, để thực hiện việc góp vốn làm ăn cũng như nhiều mục đích khác, T đã chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Khánh D A2 và V1; tài khoản ngân hàng đứng tên Trần Tấn H3 T4 (H3 là anh con cậu ruột của N) theo yêu cầu từ Như.

- Tiền đầu tư T chuyển cho “H3” thông qua tài khoản ngân hàng của Nguyễn Khánh D; thời gian đầu N chuyển lại cho T số lượng lớn tiền lợi nhuận từ đầu tư, nhưng càng ngày thì N yêu cầu T đầu tư thêm nhiều tiền để có nhiều lợi nhuận; đến khoảng cuối tháng 7-2020, “H3” báo với T là sản chứng khoán bị sập nên mất hết vốn.

- Đến đầu tháng 9-2020, Phạm Thị Huỳnh N nhờ Nguyễn Khánh D mạo danh “Trần Tấn H3” gọi điện nói T nhờ Thầy cúng giải hạn; thấy việc làm ăn không thuận lợi nên T đồng ý và chuyển cho “H3” một số tiền để “H3” nhờ Thầy cúng. Sau đó, “H3” nhắn tin đã cúng xong và nói T đầu tư nuôi tôm ở Cà Mau thì T đồng ý và tiếp tục chuyển tiền cho “H3” thông qua tài khoản ngân hàng của D; được

một thời gian thì “H3” báo cho T nuôi tôm lỗ mất vốn nên chuyển qua buôn gỗ bên Lào. Do đã thua lỗ nhiều và muốn gỡ lấy tiền trả lại cho T3 Bách khoa Đà Nẵng nên T đã bàn với H1 tiếp tục rút tiền của T3 để đầu tư thông qua “H3”. Thời gian sau đó N tiếp tục nói Dương đóng giả “H3” nói chuyện qua điện thoại với T việc đã rút vốn làm gỗ bên Lào và “H3” qua Malaysia đánh bạc thắng được hơn 90.000.000.000 đồng, nhưng để đem được số tiền này về Việt Nam thì cần tiền chung chi (hồi lộ và chi phí khác) nên tiếp tục yêu cầu T chuyển tiền và T tiếp tục lấy tiền của T3 chuyển cho “H3”.

- Để che giấu hành vi chiếm đoạt tiền của Trường B2, Hoàng Quang H1 và Lâm Thị Hồng T đã hợp thức hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán như: Lập hồ sơ thanh toán khống để tăng số tiền chi, giảm số tiền tồn quỹ cho phù hợp với số tiền tồn quỹ thực tế sau khi đã bị chiếm đoạt; đăng nhập và điều chỉnh số liệu của tài khoản tiền gửi ngân hàng trên phần mềm quản lý kế toán Misa của trường; hợp thức các biên bản kiểm quỹ hàng tháng vào cuối năm (*trên thực tế không tổ chức kiểm tra*); điều chỉnh số dư trong phiếu đối chiếu tài khoản ngân hàng rồi đưa vào hồ sơ quyết toán; lập báo cáo tài chính năm trên cơ sở số liệu đã được chỉnh sửa, không công khai tài chính.

- Trong quá trình thực hiện tội phạm thì Phạm Thị Huỳnh N ẩn danh nên đã yêu cầu Lâm Thị Hồng T chuyển tiền đến tài khoản V1 0041000273590 và A2 của Nguyễn Khánh D; tiền T chuyển vào tài khoản thì N yêu cầu D rút tiền mặt đưa cho N và chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của N, cũng như người thân trong gia đình với Như; mặt khác, Như còn yêu cầu D chuyển tiền đến nhiều tài khoản khác để Như đánh bạc. Ngoài ra, từ ngày 25/7/2020 đến ngày 11/6/2021, Như đã đưa số tài khoản T4 19034053874013 của Trần Tấn H3 (*H3 là anh con cậu ruột của N*) để T chuyển 10.393.000.000 đồng vào tài khoản của H3; số tiền này N nói với H3 là tiền Như chơi chứng khoán, còn H3 đã chuyển giao toàn bộ tiền cho Như.

- Đến đầu năm 2023, ông Nguyễn Hữu H4 được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường B2 thay cho Đoàn Quang V nghỉ hưu theo chế độ thì sự việc được phát hiện. Việc T và H1 chiếm đoạt tiền của Trường B2, cũng như việc Như chiếm đoạt tiền từ T diễn ra rất nhiều lần trong thời gian dài nên các đối tượng này không nhớ chính xác bao nhiêu lần và số tiền cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên, qua điều tra xác định: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 10/02/2023, Lâm Thị Hồng T và Hoàng Quang H1 đã chiếm đoạt của Trường B2 tổng số tiền 186.208.596.915 đồng; từ ngày 15/7/2020 đến ngày nghỉ hưu 31/12/2022, Đoàn Quang V đã để cho H1 và T chiếm đoạt của Trường B2 tổng số tiền 179.980.112.226 đồng; từ tháng 12/2018 đến ngày 10/02/2023, Phạm Thị Huỳnh N đã chiếm đoạt của T tổng số tiền 203.190.297.500 đồng; trong đó, từ ngày 01/9/2020 đến ngày 10/02/2023, Nguyễn Khánh D đồng phạm với N đã chiếm đoạt của T tổng số tiền 181.493.997.300 đồng.

Tại Báo cáo kết quả kiểm tra số 235/BCKT-AA ngày 15/12/2023 của Chi nhánh Công ty K1 tại Đà Nẵng đối với tổng hợp các khoản chênh lệch, thất thoát từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/02/2023 của Trường B2 là 186.208.596.915 đồng, trong đó:

- Chênh lệch số tiền thu học phí theo dõi trên phần mềm đào tạo với số tiền đã thu trên sổ kế toán: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 31/12/2022 là 58.921.353.702 đồng và từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/02/2023 là 2.074.792.329 đồng, tổng cộng 60.996.146.031 đồng.

- Chênh lệch thiếu số tiền từ ngày 01/01/2022 đến ngày 10/02/2023 do rút séc ngân hàng về nhập quỹ nhưng khi kiểm kê đối chiếu số dư trên sổ sách lớn hơn số kiểm kê thực tế: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 31/12/2022 là 50.775.736.148 đồng và từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/02/2023 là 3.973.692.360 đồng, tổng cộng 54.749.428.508 đồng.

- Chênh lệch thiếu số tiền rút séc về nhập quỹ nhưng không nhập, không hạch toán giảm tiền gửi ngân hàng tăng số tiền mặt trên sổ kế toán; Chênh lệch số tiền chi nộp vào tài khoản nhưng không nộp vào tài khoản, trên sổ sách kế toán đã hạch toán tăng tiền gửi ngân hàng, giảm số tiền mặt: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 31/12/2022 là 53.900.000.000 đồng và từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/02/2023 là 0 đồng, tổng cộng 53.900.000.000 đồng.

- Chênh lệch thiếu số tiền do các phiếu chi không có, người nhận cam kết không nhận từ ngày 15/7/2020 đến ngày 31/12/2022 là 14.789.863.376 đồng và từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/02/2023 là 0 đồng, tổng cộng 14.789.863.376đ.

- Chênh lệch thiếu số tiền thu nội trú phí: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 31/12/2022 là 410.000.000 đồng và từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/02/2023 là 180.000.000 đồng, tổng cộng 590.000.000 đồng.

- Chênh lệch do số tiền hạch toán trên sổ lớn hơn số tiền trên phiếu chi: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 31/12/2022 là 1.183.159.000 đồng và từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/02/2023 là 0 đồng, tổng cộng 1.183.159.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của **Trường B2**: Các hồ sơ, chứng từ, tài liệu kế toán liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản; 01 Máy tính, nhãn hiệu Imac, serial số C02W69B2H7JY, EMC số 3068 (do **Hoàng Quang H1** sử dụng); 02 CPU máy tính, nhãn hiệu Sama (do **Lâm Thị Hồng T** sử dụng).

- Thu giữ của bị cáo **Lâm Thị Hồng T**: 01 Điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, màu xanh, số máy MGCJ3LL/A, số seri F2LFLA6YOD42; 02 Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 285048674-5 và số 285048673-7 ghi cùng ngày 10-12-2011; 01 Tập séc của **Ngân hàng N6** (gồm 10 tờ, mã số từ AS 5048521 đến AS 5048530, đã sử dụng 09 tờ, còn 01 tờ mã số AS 5048530 chưa sử dụng).

- Thu giữ của bị cáo **Hoàng Quang H1**: Số tiền 57.000.000 đồng; 01 Điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số máy MT612LL/A, số seri G6TXLR5CKPHJ; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4157 ngày 02-02-2016; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 485554 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** cấp ngày 31-12-2019 (chỉnh lý biến động ngày 15-4-2022 đứng tên bà **Trần Thị Lan A1**) đối với thửa đất số 416, tờ bản đồ số 244, tại địa chỉ **tổ F, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng**.

- Thu giữ của bị cáo **Đoàn Quang V**: 10 Miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, khắc chữ SJC rồng vàng 9999 Fine Gold **Công ty V2** (1 lượng); 05 Sổ tiết

kiệm mở tại **Ngân hàng TMCP S5** các số TK7553871, TK7553872, TK7553873, TK7553881 và TK7553882 và 04 Sổ tiết kiệm mở tại **Ngân hàng TMCP B4** các số 692114, 587149, 586962 và 586963 đều đứng tên **Đoàn Quang V**; 05 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (trong đó có 04 giấy đứng tên **Đoàn Quang V** và vợ là **Đào Thị Thanh P**, còn 01 giấy đứng tên cá nhân **Đoàn Quang V**).

- Thu giữ tại nơi ở của bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N**:

+ 01 Điện thoại di động, hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số máy MQ9X3VN/A, số seri MLWGMGF270; 01 Xe ô tô, hiệu Mercedes Benz, loại E200, màu sơn trắng, số khung RLMZF8AX5NV010499, số máy 26492030480319, biển kiểm soát 43A-71767; 01 Máy tính bảng, hiệu Ipad, màu xám (được in khắc thông tin “Designed by Apple in California Model A2377 Assembled in China Serial V7MGW962JL”); 01 Thẻ **Ngân hàng V1**, mang tên **Nguyễn Khánh D**;

+ 01 Vòng đeo tay kim loại màu vàng, có khắc chữ “1 Au750 Cartier CRD 094835”; 02 Chiếc bông tai kim loại màu vàng hồng; 01 Miếng kim loại màu vàng, được bọc nhựa bên ngoài, có khắc chữ “Sai Gon Jewelry Company SJC Ròng vàng 999.9 Fine Gold **Công ty V2** (1 lượng)” và khắc mã số “NJ89514”, “FC57497”, “AP79766”;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189826 do **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** cấp ngày 14-6-2013 cho thửa đất số 61, tờ bản đồ B1-83 (GĐ2) nay điều chỉnh thành thửa đất số 56, tờ bản đồ 112, tại địa chỉ **khu đô thị S sông H** – giai đoạn 2, **phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; chỉnh lý biến động ngày 02-11-2021, đứng tên **Phạm Thế B1**;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 198117 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 31-10-2019 cho thửa đất số 639, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ **thôn T, xã T, huyện N, Quảng Nam**; chỉnh lý biến động ngày 19-01-2022, đứng tên **Phạm Thị Huỳnh N**;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 992760 do **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** cấp ngày 09-11-2011 cho thửa đất số của thửa đất số 60, tờ bản đồ B1-22 nay điều chỉnh thành thửa đất số 32, tờ bản đồ 112, tại khu đô thị sinh thái ven **sông H** – giai đoạn 2, **phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; chỉnh lý biến động ngày 06-5-2022, đứng tên **Phạm Phú T1** và **Nguyễn Thị Thu N1**.

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 912406 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** cấp ngày 13-6-2014 cho thửa đất số 61, tờ bản đồ B1-22 (cũ) nay điều chỉnh thành thửa đất số 34, tờ bản đồ 112, tại địa chỉ **khu đô thị S sông H** – giai đoạn 2, **phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; chỉnh lý biến động ngày 08-4-2022, đứng tên **Phạm Thị Huỳnh N**; chỉnh lý biến động ngày 22-6-2022, đứng tên **Phạm Phú T1** và **Nguyễn Thị Thu N1**;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 380982 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** cấp

ngày 22-7-2021 cho thửa đất số 118, tờ bản đồ số 138, tại địa chỉ **lô A khu B khu đô thị P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; chỉnh lý biến động ngày 24-11-2021, đứng tên **Phạm Phú T1 và Nguyễn Thị Thu N1**;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 088709 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 24-6-2022 cho thửa đất số 375, tờ bản đồ số 29, tại địa chỉ **thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam**; chỉnh lý biến động ngày 26-7-2022, đứng tên **Phạm Phú T1 và Nguyễn Thị Thu N1**;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 234671 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 20-10-2022 cho thửa đất số 753, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ **thôn T, xã T, huyện N, Quảng Nam**, đứng tên **Phạm Phú T1 và Nguyễn Thị Thu N1**;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 532627 do **Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng** cấp ngày 15-8-1996 cho thửa đất số 357, tờ bản đồ số 7, tại **xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**, đứng tên ông **Phạm Phú H5**.

+ 01 Mặt dây chuyền kim loại màu vàng trắng; 01 Vòng đeo tay kim loại màu vàng, được khắc hoa văn; 02 Miếng kim loại màu vàng, được bọc nhựa bên ngoài, được khắc chữ “Sai Gon Jewelry Company SJC Ròng vàng 999.9 Fine Gold **Công ty V2** (1 lượng)” và khắc mã số “NJ89514”, “FC57497”, “AP79766”; 03 Nhẫn kim loại màu vàng, được bọc nhựa bên ngoài có in thông tin “Nhẫn 1 chỉ **Công ty TNHH MTV V3**”; 04 Nhẫn kim loại màu vàng, được bọc nhựa bên ngoài có in thông tin “Phượng Hoàng PNJ nhẫn vàng 999.9 0.5 chỉ sản xuất tại **Công ty P1**”; 02 Nhẫn kim loại màu vàng được khắc chữ “2C 9999”; 02 Nhẫn kim loại màu vàng được khắc chữ “2C”; 01 Nhẫn kim loại màu vàng được khắc chữ “2C 97% **Kim Viet Phuc T**”; 01 Nhẫn kim loại màu vàng được khắc chữ “2C 24K 9999”; 01 Nhẫn kim loại màu vàng, được khắc hoa văn; 01 Giấy mượn tiền, đứng tên **Phạm Phú H5**, ghi ngày 22-9-2022; 01 Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0079361 ngày 12-11-2020; 02 Giấy bảo đảm, ngày 18-6-2022 và ngày 14-01-2023;

- Ông **Phạm Phú T1** giao nộp: 01 Xe ô tô hiệu Peugeot, biển kiểm soát 92A-31014; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát 92A-31014, đứng tên **Phạm Phú T1**; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô, biển kiểm soát 92A-31014.

- Bà **Phạm Thị Quỳnh N3** giao nộp: 480.000.000 đồng.

- Bà **Trần Thị N4** giao nộp: 402.000.000 đồng.

- **Nguyễn Thị Như M** giao nộp: 01 Căn cước công dân, mang tên **Phạm Thị Huỳnh N**; 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô Mercedes Benz, biển kiểm soát 43A-71767; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Mercedes Benz, biển kiểm soát 43A-71767.

- Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa số tiền 209.148.000 đồng trong tài khoản số 0041000271197 của **Nguyễn Thị Thu N1** mở tại **Ngân hàng TMCP N7**.

Về kê biên tài sản: Ngày 08-3-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** đã ra các Lệnh kê biên tài sản số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 và 11/LKB-CSĐT-KT để kê biên các tài sản sau đây:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 13, địa chỉ 30 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận số 3401042551, do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 28-5-2003 cho Đoàn Quang V và Đào Thị Thanh P;

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 26, địa chỉ 73 (45 cũ) đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận số 3401031415, do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 29-6-2000; chỉnh lý biến động sang tên cho Đoàn Quang V và Đào Thị Thanh P ngày 28-11-2001;

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 16, địa chỉ K123/17 (65/5 cũ) đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số 3401010574, do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 24-11-1999 cho Đoàn Quang V;

- Quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 75, địa chỉ tổ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận số AO 574193, do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17-4-2009 cho Đoàn Quang V và Đào Thị Thanh P;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 37, địa chỉ lô 4 + 5 khu A, đường V, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận số CH 651669, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 13-4-2017, cho Đoàn Quang V và Đào Thị Thanh P;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 138, địa chỉ lô A khu B, khu đô thị P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận số DA 380982, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 22-7-2021; chỉnh lý biến động sang tên cho Phạm Phú T1 và Nguyễn Thị Thu N1 ngày 24-11-2001;

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 639, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có Giấy chứng nhận số CT 198117, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 31-10-2019; chỉnh lý biến động sang tên cho bà Phạm Thị Huỳnh N ngày 19-01-2022;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số B1-22 (cũ) nay điều chỉnh thành thửa đất số 34, tờ bản đồ 112, địa chỉ khu đô thị S sông H-giai đoạn 2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận số BT 912406, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 13-6-2014; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm Phú T1 và bà Nguyễn Thị Thu N1 ngày 22-6-2022;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số B1-83 (GĐ2) nay điều chỉnh thành thửa đất số 56, tờ bản đồ 112, địa chỉ khu đô thị S sông H-giai đoạn 2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận số BN 189826, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 14-6-2013; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm Thế B1 ngày 02-11-2021;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số B1-22 (GĐ2) nay điều chỉnh thành thửa đất số 32, tờ bản đồ 112, địa chỉ **khu đô thị S sông H**-giai đoạn 2, **phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**; có Giấy chứng nhận số BG 992760, do **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** cấp ngày 09-11-2011; chỉnh lý biến động sang tên cho ông **Phạm Phú T1** và bà **Nguyễn Thị Thu N1** ngày 06-5-2022;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 416, tờ bản đồ số 244, địa chỉ **tổ F, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng**; có Giấy chứng nhận số CT 485554, do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ** cấp ngày 31-12-2019; chỉnh lý biến động sang tên cho bà **Trần Thị Lan A1** ngày 15-4-2022;

Về bồi thường thiệt hại:

- Quá trình điều tra, gia đình các bị cáo nộp bồi thường như sau: Bị cáo **Lâm Thị Hồng T** 50.000.000 đồng, bị cáo **Hoàng Quang H1** 20.000.000 đồng, bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** 40.000.000 đồng và bị cáo **Nguyễn Khánh D** 20.000.000 đồng.

- Quá trình điều tra, bị cáo **Đoàn Quang V** và gia đình đã tự nguyện sử dụng tiền trong các tài khoản tiết kiệm và vàng bị thu giữ để nộp khắc phục hậu quả cho **Trường B2** với trị giá thành tiền là 9.044.239.464 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo **V** và vợ là bà **Đào Thị Thanh P** đã nộp thêm để khắc phục hậu quả cho **Trường B2** số tiền 3.000.000.000 đồng và 01 nhà đất tại **tổ H, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng**; đồng thời, bị cáo **V** cũng tự nguyện nộp khắc phục hậu quả thêm 56.686.058 đồng là khoản tiền chế độ **Trường B2** chưa chi trả cho bị cáo **V**.

- Tại phiên tòa, bị cáo **H1** và vợ là bà **Trần Thị Lan A1** đã nộp bồi thường thêm 100.000.000 đồng và tự nguyện sử dụng thêm số tiền 57.000.000 đồng bị thu giữ khi khám xét nơi ở; đồng thời, tự nguyện khấu trừ số tiền 13.874.210 đồng là tiền chế độ **Trường B2** chưa chi trả cho bị cáo **H1** để khắc phục hậu quả, tổng số tiền bị cáo **H1** đã bồi thường là 190.874.210 đồng.

- Tại phiên tòa, cha mẹ của bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** là ông **Phạm Phú T1** và bà **Nguyễn Thị Thu N1** đã tự nguyện dùng 01 Miếng kim loại màu vàng, được bọc nhựa bên ngoài, được khắc chữ “Sai Gon Jewelry Company SJC Ròng vàng 999.9 Fine Gold **Công ty V2** (1 lượng)” và 01 Thửa đất tại **thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam** thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông **T1** và bà **N1** để hỗ trợ bồi thường thêm vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo **N**.

Tại phiên tòa, **Trường B2** yêu cầu được bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 186.208.596.915 đồng, chưa trừ các khoản tiền mà các bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả; bị cáo **Lâm Thị Hồng T** yêu cầu bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại 196.871.531.855 đồng để bị cáo có điều kiện thực hiện nghĩa vụ bồi thường lại cho **Trường B2**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 23/7/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 40 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo **Lâm Thị Hồng T** phạm tội “Tham ô tài sản”; xử phạt bị cáo **Lâm Thị Hồng T** tử hình về tội “Tham ô tài sản”. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Lâm Thị Hồng T** để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Quang H1** phạm tội “Tham ô tài sản”; xử phạt bị cáo **Hoàng Quang H1** tù chung thân; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2023.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** tù chung thân; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 02 năm 2023.

5. Căn cứ vào a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Khánh D** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh D** 20 (hai mươi) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2023.

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về xử phạt bị cáo **Đoàn Quang V**, xử lý vật chứng, về trả lại tài sản và bồi thường thiệt hại, xử lý các Lệnh kê biên tài sản để thi hành án, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 02/8/2024, bị cáo **Lâm Thị Hồng T** kháng cáo trình bày quá trình bị cáo công tác tại **T3** có nhiều đóng góp, được nhiều giấy khen, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, hoàn cảnh gia đình hiện đang khó khăn nên xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội trở về chuộc lại lỗi lầm, khắc phục hậu quả.

+ Ngày 02/8/2024, bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho con nhỏ và khắc phục hậu quả đã gây ra.

+ Ngày 28/7/2024, bị cáo **Hoàng Quang H1** kháng cáo cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo quá nặng, xin cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt.

+ Ngày 28/7/2024, bị cáo **Nguyễn Khánh D** kháng cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ đau ốm không có người chăm lo nên xin giảm hình phạt để sớm trở về lo cho mẹ già.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** tự nguyện rút Đơn kháng cáo.

- Các bị cáo còn lại **Lâm Thị Hồng T**, **Hoàng Quang H1** và **Nguyễn Khánh D1** giữ nguyên kháng cáo.

- Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo vì hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo thật sự ăn năn, hối cải.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** vì bị cáo tự nguyện rút kháng cáo. Đối với các bị cáo còn lại **Lâm Thị Hồng T**, **Hoàng Quang H1** và **Nguyễn Khánh D1** thấy rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ quá trình xét hỏi và tranh tụng, xét thấy:

[1] Về tội danh, khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là:

+ Trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2020 đến ngày 10/02/2023, **Lâm Thị Hồng T** được phân công làm Thủ quỹ và **Hoàng Quang H1** giữ chức vụ Trưởng Phòng kế hoạch, tài chính kiêm Kế toán trưởng của **Trường B2** có trách nhiệm giúp chủ tài khoản trong công tác quản lý tài sản, tài chính của **Trường B2**, nhưng đã cùng nhau lợi dụng chức vụ, quyền hạn để lấy tiền của nhà Trường từ quỹ tiền mặt và trong tài khoản ngân hàng chiếm đoạt tổng số tiền 186.208.596.915 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Để che giấu hành vi chiếm đoạt, **T** và **H1** đã hợp thức hồ sơ, sổ sách, chứng từ cho phù hợp với số tiền tồn quỹ thực tế sau khi đã chiếm đoạt; đăng nhập để điều chỉnh số liệu tài khoản tiền gửi ngân hàng trên phần mềm quản lý kế toán Misa của **T3**; hợp thức các biên bản kiểm quỹ hàng tháng vào cuối năm; điều chỉnh số dư trong phiếu đối chiếu tài khoản ngân hàng rồi đưa vào hồ sơ quyết toán; lập báo cáo tài chính năm trên cơ sở số liệu đã được chỉnh sửa, không công khai tài chính.

+ **Đoàn Quang V**, giữ chức vụ Hiệu trưởng và Chủ tài khoản của **Trường B2** trong giai đoạn từ 01/7/2020 đến ngày 31/12/2022 đã có hành vi ký **S2** do **T** và **H1** trình khi **S2** không ghi số tiền cụ thể; không tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ nhà Trường; ký hợp thức các biên bản kiểm tra quỹ hàng tháng của **T3** vào cuối năm... buông lỏng quản lý tài sản của nhà Trường, dẫn đến để cho **T** và **H1** chiếm đoạt tiền của nhà Trường, gây thất thoát tài sản của Nhà nước tổng số tiền 179.980.112.226 đồng.

+ Từ tháng 12/2018 đến ngày 10/02/2023, với ý định chiếm đoạt tài sản, **Phạm Thị Huỳnh N** đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối như mở tiệm Nail, đầu tư chứng khoán, nuôi tôm, buôn gỗ, thắng đánh bạc...vv để lừa đảo chiếm đoạt tiền của **Lâm Thị Hồng T** với tổng số tiền chiếm đoạt 203.190.297.500 đồng; tiền chiếm đoạt được bị cáo **N** dùng đánh bạc trên mạng internet, mua xe ô tô, mua đất, xây nhà.

+ Từ tháng 9/2020 đến 10/02/2023, **Nguyễn Khánh D** biết **Phạm Thị Huỳnh N** đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của **Lâm Thị Hồng T**, nhưng

vẫn đồng ý giúp **N** thực hiện các hành vi gian dối như đóng giả đối tượng tên “**H3**” nói chuyện với **T** để **T** tin tưởng chuyển tiền cho **N** qua tài khoản của **D**, giúp **N** chiếm đoạt của **T** 181.493.997.300 đồng.

Do các bị cáo thực hiện hành vi nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo **Lâm Thị Hồng T** và bị cáo **Hoàng Quang H1** phạm vào “*Tội tham ô tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên*”; tuyên bố bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** và bị cáo **Nguyễn Khánh D** phạm vào “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” là đúng người, đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** tự nguyện rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **N**, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo có hiệu lực pháp luật.

*Xét kháng cáo của bị cáo **Lâm Thị Hồng T** và bị cáo **Hoàng Quang H1** bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về “Tội tham ô tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, cấp phúc thẩm thấy:*

[3] Bị cáo **Lâm Thị Hồng T** kháng cáo cho rằng bị cáo công tác nhiều năm tại **Trường B2** có nhiều đóng góp nên được tặng nhiều giấy khen, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội trở về chuộc lại lỗi lầm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy bị cáo **T** phạm tội thuộc nhóm tội phạm về chức vụ, gây thiệt hại rất lớn tài sản của Nhà nước, gây phẫn nộ và bất bình rất lớn trong Sinh viên, Giảng viên **Trường B2** nói riêng cũng như trong nhân dân cả nước nói chung vì xã hội hiện nay là xã hội thông tin mạng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự được áp dụng khi số tiền chiếm đoạt từ 500.000.0000 đồng trở lên, bị cáo **T** chiếm đoạt 186.208.596.915 đồng là rất lớn vượt nhiều lần số tiền định khung tại khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự; số tiền chiếm đoạt **T** sử dụng vào mục đích cá nhân, chỉ mới bồi thường 50.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **T** mức hình phạt tử hình là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả gây ra cho xã hội. Lý do bị cáo **T** kháng cáo xin giảm hình phạt đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi lượng hình nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T** giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo **T**.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Hoàng Quang H1** cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù chung thân là quá nặng, cấp phúc thẩm thấy giống bị cáo **T**, bị cáo **H1** cũng phạm tội thuộc nhóm tội phạm về chức vụ, gây thiệt hại rất lớn tài sản của Nhà nước, gây phẫn nộ và bất bình rất lớn trong Sinh viên, Giảng viên **Trường B2** nói riêng cũng như trong nhân dân cả nước nói chung vì xã hội hiện nay là xã hội thông tin mạng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự được áp dụng khi số tiền chiếm đoạt từ 500.000.0000 đồng trở lên, bị cáo

H1 đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo T chiếm đoạt 186.208.596.915 đồng là rất lớn vượt nhiều lần số tiền định khung hình phạt, bị cáo H1 mới bồi thường khắc phục hậu quả 20.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo H1 đồng phạm với bị cáo T nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nhưng cũng xét bị cáo H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại, chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen nên xử phạt tù chung thân là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả gây ra cho xã hội. Lý do bị cáo H1 kháng cáo xin giảm hình phạt đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi lượng hình nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1 giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt H1.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Khánh D trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ đau ốm không có người chăm lo nên xin giảm hình phạt để sớm trở về lo cho mẹ già, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy từ tháng 9/2020 đến 10/02/2023, Nguyễn Khánh D biết Phạm Thị Huỳnh N đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của Lâm Thị Hồng T, nhưng vẫn đồng ý giúp N thực hiện các hành vi gian dối như đóng giả đối tượng tên “H3” nói chuyện với T để T tin tưởng chuyển tiền cho N qua tài khoản của D, giúp Như chiếm đoạt của T 181.493.997.300 đồng. Xét, H1 đồng phạm cùng T lừa đảo chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn, gây ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước và ảnh hưởng tiêu cực về nhiều mặt đối với Trường B2, bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại 20.000.000 đồng, chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt nên xử phạt 20 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả gây ra cho xã hội. Lý do bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi lượng hình nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo.

[6] Tại phiên tòa các bị cáo khai sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo có nộp khắc phục hậu quả, nhưng gia đình các bị cáo không có mặt, các bị cáo và các Luật sư bào chữa cho các bị cáo không xuất trình được tài liệu chứng minh có việc này nên không có căn cứ để xem xét, nếu gia đình các bị cáo có nộp khắc phục thêm sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo Phạm Thị Huỳnh N rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo kháng cáo Lâm Thị Hồng T, Hoàng Quang H1 và Nguyễn Khánh D1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N**, quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo **N** có hiệu lực pháp luật, cụ thể: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Thị Huỳnh N** **Tù chung thân** về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2023.

II/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lâm Thị Hồng T, Hoàng Quang H1, Nguyễn Khánh D**, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lâm Thị Hồng T** **Tử hình** về “*Tội tham ô tài sản*”, tiếp tục tạm giam bị cáo **T** để đảm bảo thi hành án. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/10/2024), bị cáo **Lâm Thị Hồng T** có quyền gửi Đơn đến Chủ tịch **N8** xin ân giảm án tử hình.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Quang H1** **Tù chung thân** về “*Tội tham ô tài sản*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/02/2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh D** **20 (hai mươi) năm tù** về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2023.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo **Phạm Thị Huỳnh Như K** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo **Lâm Thị Hồng T, Hoàng Quang H1, Nguyễn Khánh D** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Các bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đặng Kim Nhân